TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **61**/2025/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 59/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị N, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Thôn L, xã P, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Ông Triệu Văn T, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Thôn X, xã B, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đặng Thị N và ông Triệu Văn T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2003 do Ủy ban nhân dân xã Minh Khương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nay xã Bạch Xa, tỉnh Tuyên Quang) cấp ngày 30/6/2003 cho bà Đặng Thị N và ông Triệu Văn T không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

- Đối với con chung là Triệu Thị Y, sinh ngày 11/02/2003 đã đủ tuổi trưởng thành và sức khỏe phát triển bình thường nên bà Đặng Thị N và ông Triệu Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Giao các con chung là Triệu Thanh B, sinh ngày 04/4/2011 và Triệu Thanh P, sinh ngày 26/9/2014 cho ông Triệu Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Bà Đặng Thị N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông Triệu Văn T và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

2.2. Về tài sản chung, đất đai chung: Bà Đặng Thị N và ông Triệu Văn T cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

2.3. Về công nợ chung: bà Đặng Thị N và ông Triệu Văn T cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

2.4. Về án phí:

+ Nguyên đơn bà Đặng Thị N tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000336 ngày 11/8/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị N số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Bị đơn ông Triệu Văn T không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 2 – Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng THADS khu vực 2 - Tuyên Quang;
- UBND xã Bạch Xa (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND huyện Hàm Yên.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Tùng